

Số: 153 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 01/FURNITECH ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Văn bản số 01/CVGT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường giai đoạn 1 của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,..) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất ghế sofa các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm (tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng 9.452 m²); sản xuất nệm ghế các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm” tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 399/TTr-STNMT ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Văn bản số 5255/STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam, địa chỉ Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với giai đoạn 1 của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,..) và sản xuất ghế sofa các loại; sản xuất nệm ghế các loại” tại

đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,..) và sản xuất ghế sofa các loại; sản xuất nệm ghế các loại.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2186828750 chứng nhận lần đầu ngày 04 tháng 8 năm 2004, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 21 tháng 7 năm 2021 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600691668.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng; sản xuất ghế sofa; sản xuất nệm ghế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất, hạng công trình được cấp phép:

Giai đoạn 1 của xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,..) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm, tương ứng với 01 quy trình sản xuất các chi tiết và sản phẩm gỗ của dự án “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế,..) với quy mô khoảng 3.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất ghế sofa các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm (tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng 9.452 m²); sản xuất nệm ghế các loại với quy mô 500.000 sản phẩm/năm”.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 7 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Furnitech Components Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 153/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh từ dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, không xả ra môi trường).

- Đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng là Khu công nghiệp Nhơn Trạch I) và Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Trạch I) về việc thỏa thuận đầu nối nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hố ga đầu nối:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh: sử dụng ống nhựa uPVC có đường kính 100 - 150 mm và 200 - 250 mm dẫn nước thải về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I tại 02 vị trí đầu nối trên đường số 2.

- Đối với nước thải sau bể tự hoại khu văn phòng, nhà xưởng sản xuất: được thu gom bằng đường ống nhựa PVC đường kính Ø200mm dẫn ra hố ga đầu nối số 1 trên đường số 2.

- Đối với nước thải sau bể tự hoại khu nhà chuyên gia được thu gom bằng đường ống nhựa PVC đường kính Ø200mm dẫn ra hố ga đầu nối nước thải số 2 trên đường số 2.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Căn cứ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 do dự án sử dụng công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định Điều 53 Luật bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định) nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, không xả thải trực tiếp ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 153/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 12.000 m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 12.000 m³/giờ; tọa độ: X = 1206487; Y = 418305.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục (24 giờ/ngày), thời gian xả 06 ngày/tuần.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v = 0,8, K_p = 0,9, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm ³	144	03 tháng/lần
3	Các thông số còn lại tại Bảng 1 QCVN 19:2009/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9			

2.2. Nguồn số 02: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 15.000 m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 15.000 m³/giờ; Tọa độ: X = 1206485; Y = 418318.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: xả thải liên tục (24 giờ/ngày), thời gian xả 06 ngày/tuần.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v = 0,8, K_p = 0,9, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ
----	--------------	-------------	---	----------------------------

1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm ³	144	03 tháng/lần
3	Các thông số còn lại tại Bảng 1 QCVN 19:2009/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9			

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi sơn phát sinh từ 02 buồng phun sơn được thu gom bằng các đường ống về 02 hệ thống xử lý để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 12.000 m³/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn → màng lọc 1 → màng lọc 2 → hệ thống quạt → ống khói thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: hệ thống xử dụng màng lọc sợi thủy tinh.

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi sơn, công suất 15.000 m³/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn → màng lọc 1 → màng lọc 2 → hệ thống quạt → ống khói thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: Hệ thống xử dụng màng lọc sợi thủy tinh.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, và xử lý khí thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí sẵn các màng lọc dự phòng để kịp thời thay thế khi các màng lọc 1 và 2 của hệ thống xử lý gặp sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi sơn công suất 12.000 m³/giờ;

- Hệ thống xử lý bụi sơn công suất 15.000 m³/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 01: Tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi sơn công suất 12.000 m³/giờ.
- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Bụi	mg/Nm ³	144

+ Tần suất lấy mẫu:

Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý: Lấy mẫu tổ hợp của 03 mẫu/ngày.

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý: lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 lần/ngày.

- Vị trí 02:

+ Tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi sơn công suất 15.000 m³/giờ.

+ Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,9)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Bụi	mg/Nm ³	144

+ Tần suất lấy mẫu:

Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý: Lấy mẫu tổ hợp của 03 mẫu/ngày.

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 lần/ngày.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định.

3.3. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 153/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 67,5 kg/tháng.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	1
2	Pin, ắc quy thải	19 06 01	0,6
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	12,5
4	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	08 01 02	3,4
5	Bụi sơn và màng lọc lẫn bụi sơn từ buồng phun sơn	08 01 03	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG			67,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: khoảng 64.633 kg/tháng.

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	05
2	Vụn gỗ, mùn cưa, dăm bào từ quá trình cắt sản phẩm (không nhiễm thành phần nguy hại)	15.578
3	Giấy bỏ từ văn phòng	50
4	Bùn từ bể tự hoại	49.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG		64.633

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 2.470 kg/tháng.

- Chủng loại: Thức ăn dư thừa, vỏ lon nước.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 40 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa bằng nhựa, có nắp

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 153/GPMT-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

1. Hoàn thành hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ, công suất 50.000 m³/giờ của dự án theo đúng đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

2. Đảm bảo quy mô, công suất, quy trình sản xuất các sản phẩm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi trước đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, tuyệt đối không xả thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải và đầu nối đúng vị trí; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

2. Công khai minh bạch các tuyến ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong khuôn viên dự án và đầu nối vào hố ga thu gom nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

4. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

9. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

10. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.